

tính chất rất kỳ lạ là một khi hai vật thể đã ở trạng thái này thì chúng mãi mãi vướng vắn nhau cho dù sau đó tách xa nhau bao nhiêu, và nếu một trong chúng chịu một tác động nào đó thì ngay lập tức vật thể kia sẽ chịu ảnh hưởng theo. Điều này dẫn đến một nghịch lý kỳ bí và rối rắm về logic. Đến ngay cả Einstein cũng không thể nào hình dung nổi và cho là “tác động ma quái phi không gian”. Sự tồn tại các trạng thái này gần đây đã được rất nhiều thí nghiệm khẳng định.

Lý thuyết đã chứng tỏ được rằng bằng cách vận dụng các trạng thái “đan chằng nhau” một cách thích hợp ta có thể tạo ra được cơ chế để chuyển tải một trạng thái bất kỳ từ một vị trí này đến một vị trí khác, và từ đó tái tạo một vật thể từ một nơi này tới nơi khác xa bao nhiêu tùy ý trong chớp nhoáng. Hiệu ứng này có thể gọi là “thần thông chuyển vị lượng tử” làm ta liên tưởng đến những câu chuyện thần thoại về thần thông biến hóa, xuất quỷ nhập thần, thoát ần, thoát hiện... Hiệu ứng này mở ra một viễn cảnh thật huy hoàng, hứa hẹn sẽ mang lại những thành tựu kỳ diệu cả về phương tiện khoa học lẫn đời sống xã hội.

ĐẠI THỐNG NHẤT

Bốn thể loại tương tác giữa các hạt vi mô – mạnh, yếu, điện từ và hấp dẫn là các loại tương tác cơ bản nhất tạo nên bức tranh của cả vũ trụ chúng ta. Bất kỳ một hiện

tượng nào, dù phức tạp đến mấy, từ vi mô đến vĩ mô, cũng đều bắt nguồn từ các loại tương tác đó. Các kết quả nghiên cứu ngày càng chứng tỏ rằng tuy biểu hiện rất khác, bốn loại tương tác này vẫn có một số nét cơ bản rất giống nhau, đặc biệt là *các lực tương tác được dẫn xuất bởi các hạt trung gian – các hạt gauge*. Đến nay đã có nhiều cơ sở để khẳng định rằng bốn loại tương tác cơ bản tưởng chừng như khác nhau đó, chẳng qua chỉ là những hình thái thể hiện khác nhau của cùng một bản chất. Từ đó hình thành một hướng nghiên cứu có tính thời sự nhất hiện nay là xây dựng lý thuyết Thống nhất, tức là tìm một cơ cấu thiết kế chung gắn liền các loại tương tác lại với nhau. Trên cùng một nền tảng.

Một phương hướng được xem là có nhiều triển vọng nhất để xây dựng lý thuyết Đại thống nhất là lý thuyết Dây – lý thuyết M. Sự ra đời của lý thuyết Dây gắn liền với một loại hạt những phát hiện quan trọng trong Vật lý các hạt cơ bản, trước hết là quan hệ đối ngẫu giữa các quá trình tương tác chéo nhau – tán xạ và hủy cặp. Trong lý thuyết Dây các hạt cơ bản phải được xem như *những sợi dây chuyển động trong không – thời gian 10 hoặc 11 chiều*. Như vậy, ở đây ngoài 4 chiều không – thời gian thông thường còn có thêm 6 hoặc 7 chiều không gian phụ trội. Không gian phụ trội này được giả thiết là co gọn lại thành một *miền kích thước bé vào cỡ 10^{-13} cm*, và các thí nghiệm với năng lượng cỡ như hiện nay chưa đủ để phát hiện. Từ

bản thân lý thuyết Dây đã phát hiện được một tính chất rất đặc biệt – tính “đối ngẫu lượng tử Dây”.

Tính đối ngẫu này cho phép liên hệ vùng tương tác mạnh với vùng tương tác yếu, miền không gian kích thước lớn với miền không gian kích thước bé... qua phép ánh xạ tương đương. Trên cơ sở đó lý thuyết Dây đã được phát triển lên thành lý thuyết M với hy vọng rằng đó sẽ là thuyết Đại thống nhất đích thực.

Tuy đang bước đầu hình thành, lý thuyết M cũng đã cho những kết quả rất có ý nghĩa, gắn kết lại những cách tiếp cận tưởng chừng như trái ngược nhau trước đây, và đặc biệt là phát hiện những mối liên hệ giữa các quy luật của thế giới vi mô – thế giới các hạt nhân nguyên tử và các hạt cơ bản với các quy luật của vũ trụ học liên quan đến quá trình hình thành và tiến hóa của vũ trụ.

Điều đặc biệt là trong lý thuyết Dây – lý thuyết M nhất thiết phải có các trường “vong”. Các trường “vong” này giữ các vai trò then chốt trong cơ cấu của lý - thuyết, chi phối các cơ chế tương tác, nhưng không hề xuất hiện một các trường minh trong thực tế.

Chấn chấn rằng trong quá trình xây dựng một lý thuyết Đại thống nhất hoàn chỉnh còn rất nhiều vấn đề cần phải giải quyết, rất nhiều điều cần phải lý giải. Chẳng hạn, bản chất của không gian phụ trội là gì? Cái gì xuất hiện trong tự nhiên: Ngoài bốn loại tương tác cơ bản – mạnh,

yếu, điện từ và hấp dẫn, còn tồn tại chẳng cái dạng tương tác khác chưa được phát hiện? Cũng không loại trừ rằng có thể còn có các dạng siêu tương ứng với các dạng siêu năng lượng, liên quan đến các hiện tượng siêu tự nhiên mà các giác quan bình thường của con người không thể cảm nhận được, cũng như khoa học và kỹ thuật hiện nay chưa đủ trình độ để phát hiện.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả chân thành cảm ơn các đồng nghiệp tại Viện Vật Lý, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Cần Thơ, Trung tâm Nghiên cứu tiềm năng con người về những ý kiến trao đổi bổ ích xung quanh các vấn đề chuyên môn đề cập trong bài viết, cảm ơn Thiếu tướng, TS. Nguyễn Chu Phác, Đại tá Hàn Thụy Vũ về sự quan tâm.

*Những gì chúng ta biết chỉ là những giọt nước
còn những gì chúng ta chưa biết: Cả một đại dương.*

I. NIUTON
(1642 - 1727)

CÁCH TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU CỦA BỘ MÔN CẬN TÂM LÝ LÀ ĐÁNG TIN CẬY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN ĐANG ĐẶT RA

PGS.TS. Bùi Tiến Quý

Tôi là người đã có nhiều năm quan tâm đến tâm linh nói chung và quan tâm đến hoạt động của một số người có khả năng biệt nói riêng. Tôi đã đọc nghiêm túc một số cuốn sách và kỹ yếu hội thảo khoa học về vấn đề này. Tôi cũng là người trải nghiệm thực tế đi tìm hài cốt thân nhân bị thất lạc. Dưới sự hướng dẫn của một số người có khả năng đặc biệt mà tôi quen biết, tôi đã tìm được bốn hài cốt bị thất lạc, trong đó có một hài cốt liệt sĩ thất lạc 20 năm và ba hài cốt gia tiên thất lạc gần 60 năm. Nhân đây tôi xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc tới những người có khả năng đặc biệt đã nhiệt tình và vô tư giúp đỡ gia đình tôi. Đồng thời tôi cũng luôn lắng nghe dư luận xã hội về hoạt động của những người có các khả năng đặc biệt và hoạt động của các tổ chức hữu quan đã và đang nghiên cứu, trải nghiệm hoặc ứng dụng những khả năng đặc biệt của một số người. Dư luận xã hội biết ơn sâu sắc những người có khả năng đặc biệt lại có tâm có đức. Họ xứng đáng được nhiều thế hệ người Việt Nam biết ơn và tôn vinh.

Phục vụ chủ đề cuộc hội thảo "Giả thuyết, lý giải một số hiện tượng đặc biệt dưới góc độ khoa học", tôi xin đề cập hai vấn đề mà tôi và một số người thân của tôi quan tâm:

I. Cách tiếp cận nghiên cứu những hiện tượng đặc biệt của Bộ môn Cận tâm lý tiến hành là đáng tin cậy.

Tôi được biết, những người mới xuất hiện các khả năng đặc biệt, trước hết được xã hội quan tâm, nhiều người ở gần và ở xa tự nguyện đến nhờ những người có khả năng đặc biệt giúp đỡ. Phần lớn những người được giúp đỡ có được kết quả mong muốn, còn một bộ phận nhỏ không hài lòng về kết quả nhận được. Trong tình hình đó, báo chí vào cuộc và có những cách tiếp cận khác nhau, có cả động cơ khác nhau dẫn đến đưa tin khác biệt nhau.

Trước thực trạng kinh tế - xã hội trong nước và tình hình chính trị quốc tế, cách đây hơn 20 năm, Việt Nam đã thực hiện công cuộc đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy. Nhờ công cuộc đổi mới, các cấp lãnh đạo và đại bộ phận công dân đã đổi mới tư duy, đã làm theo tinh thần Đại hội VI của Đảng là *nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật*.

Để thấy được sự thật về vấn đề Tâm linh nói chung, vấn đề Vong nói riêng, các đề tài nghiên cứu khoa học về các hiện tượng đặc biệt của Bộ môn Cận tâm lý, thuộc Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người đã hình thành và được thực hiện. Các đề tài đều xác định rõ.

- Đối tượng nghiên cứu;
- Phạm vi nghiên cứu;
- Nhiệm vụ nghiên cứu;
- Phương pháp luận nghiên cứu;
- Mục tiêu nghiên cứu;

Cần phải xác nhận rằng, nghiên cứu thuộc lĩnh vực khác đã có lịch sử, thậm chí đã có lịch sử khá dày ở trong nước và trên thế giới. Còn nghiên cứu về tâm linh nói chung về Vong nói riêng, có thể nhận thấy tình hình nghiên cứu còn rất mới, chưa có bề dày. Đây là điều khó khăn cho các nhà nghiên cứu và các tổ chức chủ trì đề tài vì thiếu vắng sự kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đó và những kinh nghiệm nghiên cứu trước đó. Tuy nhiên, trong giới hạn thông tin mà tôi được biết, Bộ môn Cận tâm lý đã tiến hành nghiên cứu các trường hợp thể hiện khả năng đặc biệt ở các chị: Nguyễn Thị Phương (Thanh Hóa), Nguyễn Thị Sinh (Hải Dương), Trần Thị Nguyệt (Hải Dương) Nguyễn Thị Bằng (Hải Dương), Nguyễn Thị Thạo (Hải Phòng), Phan Thị Bích Hằng (Hà Nội), anh Nguyễn Khắc Bấy (Hà Nội), anh Dương Mạnh Hùng (Hà Nội), chị Hoàng Thị Thiêm (Hòa Bình), chị Hoàng Thị Thuy (Lào Cai), ông Hằng (Thái Bình), Vũ Thị Thược (Thái Bình), Lê Trung Tuấn (Hà Nam), Phạm Thị Phú (Thái Nguyên), và một số nhà nghiên cứu khác.

Các nhà khoa học thực hiện các đề tài đã lựa chọn các phương pháp tiếp cận cụ thể như:

- Phương pháp đề xuất và kiểm chứng giả thuyết;
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và bằng phỏng vấn trực tiếp;
- Phương pháp quan sát tại hiện trường;
- Phương pháp tham vấn chuyên gia;
- Phương pháp so sánh, kiểm tra chéo;
- Phương pháp thống kê, phân tích và đánh giá kết quả.

Một số công cụ nghiên cứu đã sử dụng ngoài giấy bút ghi chép, còn sử dụng máy ghi âm, máy camera, máy chụp ảnh chất lượng kỹ thuật cao, và đặc biệt liên tục trải nghiệm thực hành, thực tập hàng tháng, hàng năm.

Có thể nói, các đề tài đã vận dụng tổng hợp các phương pháp và công cụ nghiên cứu có thể thực hiện được tùy theo từng đối tượng nghiên cứu và đã cho các kết quả rất khách quan, đáng tin cậy. Nhờ đó mà những người có khả năng đặc biệt đích thực đã được ghi nhận và được tạo điều kiện thuận lợi để công hiến khả năng của mình cho xã hội.

Khoa học xã hội là khoa học *thực chứng*. Hai từ “thực chứng” đã ra đời vào thập kỷ 30 của thế kỷ 19, khi nhà xã hội học người Pháp là Auguste Comte (1789 –

1857)⁽¹⁾ công bố tác phẩm “Triết học thực chứng” và ông đã trở thành giảng viên đại học giảng về triết học thực chứng, đồng thời ông là người sáng lập ra Hiệp hội thực chứng luận. Ông cho rằng: Từ trước đến nay (đến thập kỷ 30 của thế kỷ 19) đã có khá nhiều tác phẩm triết học, nhưng hầu hết trừu tượng, siêu hình, khó chứng minh nên cần có *triết học thực chứng*. Ngày nay trong kinh tế học hiện đại đã ra đời hai cụm từ thể hiện hai khuynh hướng của kinh tế học là “*kinh tế học chuẩn tắc*” và “*kinh tế học thực chứng*”.

Tôi cho rằng khi nghiên cứu các khả năng đặc biệt của con người, trước hết cần thuyết phục mọi người bằng *thực chứng*. *Thực chứng đặc biệt* có ý nghĩa thuyết phục cao khi lý luận về vấn đề nào đó chưa đủ điều kiện xây dựng thành hệ thống có sức thuyết phục. Do vậy, trong bối cảnh hiện nay tôi cảm nhận thấy vấn đề Tâm linh nói chung về biểu hiện của Vong nói riêng, *thực chứng đang đi trước một bước*. Điều này, khiến tôi nghĩ tới nhà tư tưởng vĩ đại người Đức là I.B. Goto, khi ông nói: “*Tất cả mọi lý lẽ khôn ngoan mà người ta đã nghĩ ra trước đây, nay cần cố gắng suy nghĩ lại một lần nữa*”⁽²⁾ Vì sao vậy? Bởi vì nhận thức là một quá trình. Nhận thức luôn luôn bị hạn chế bởi không gian, thời gian và bối cảnh lịch sử cụ

⁽¹⁾ Trường Đại học khoa học xã hội & nhân văn – Đại học quốc gia Hà Nội. Xã hội học. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, HN 1997, tr.47.

⁽²⁾ Theo Phương Kỳ Sơn. Phương pháp nghiên cứu khoa học. NXB Chính trị quốc gia, HN 2001, Tr 94.

thể. Một số lý lẽ đã từng quá đúng với quá khứ thì nay có thể không còn đúng nữa.

Tôi cho rằng, đến nay không còn là thời gian để tranh luận có Vong hay không có Vong, mà rõ ràng đã chuyển sang giai đoạn nghiên cứu về các hình thái biểu hiện của Vong, những thông tin tàng chứa trong Vong, biểu hiện giao tiếp giữa Vong với những người có khả năng đặc biệt và giữa Vong với người thân còn ở trần gian, tốc độ bay trong không gian của Vong, khoảng không gian Vong có thể đi và đến, khả năng giúp đỡ hai chiều giữa người trần gian với Vong và giữa Vong với người trần gian để Âm – Dương giảm đi sự cách biệt, hỗ trợ nhau tồn tại và phát triển trong sự hướng thiện, loại trừ cái ác, giúp cho quốc thái dân an.

II. Những người có khả năng đặc biệt thật sự cần được giúp đỡ và xác định chính danh.

1. Những người mới xuất hiện khả năng đặc biệt cần được sự quan tâm kịp thời của tổ chức khoa học.

Tôi không lý giải nguyên nhân xuất hiện những khả năng đặc biệt ở một số người vì đã có một số tác giả đề cập. Tôi chỉ nói tới một phần những khó khăn, đau khổ mà những người khi mới xuất hiện những khả năng đặc biệt phải chịu đựng. Họ từng bị một số người theo chủ nghĩa vô thần, chủ nghĩa duy vật thuần túy miệt thị và đả kích. Có người có khả năng đặc biệt ở lĩnh vực chữa bệnh và đã

chữa thành công cho hàng trăm người bệnh thì cơ quan quản lý nhà nước và báo chí yêu cầu phải ngừng hoạt động, vì theo *lý luận chuẩn tắc* (trong hoạt động quản lý nhà nước về khám chữa bệnh): *Một là*, hành nghề chữa bệnh phải được đào tạo; *hai là*, hành nghề chữa bệnh phải có giấy phép. Cả 2 điều kiện này, người có khả năng đặc biệt về chữa bệnh đó lại không có! Phần lớn họ có xuất phát điểm từ nghề nghiệp khác. Cơ quan quản lý nhà nước đã làm đúng theo *lý luận chuẩn tắc*, nhưng nếu không quan tâm gì đến *thực chứng kết quả chữa bệnh cho các người bệnh thì sẽ trở thành tình huống có vấn đề*.

Người có khả năng chữa bệnh đành đóng cửa. Còn hàng trăm người bệnh thì chờ ngoài sân, ngoài vườn, ngoài đường đi! Những tình huống như thế này cần có sự can thiệp và giúp đỡ kịp thời của các tổ chức khoa học nghiên cứu về con người. Tiếp đó cần có dự án khảo cứu và căn cứ vào thực chứng để kết luận.

2. Cần phân biệt để gọi những người có khả năng đặc biệt cho chính danh

Không phải ngẫu nhiên từ đầu bài tham luận đến dòng viết này tôi chỉ gọi *những người có khả năng đặc biệt* bằng cụm từ "Những người có khả năng đặc biệt." Với sự kính trọng từ đáy lòng mình. Tôi thận trọng khi gọi ai đó là nhà ngoại cảm. Chúng ta biết rằng *nhà ngoại cảm là người có khả năng đặc biệt, nhưng không phải ai có khả năng đặc biệt cũng là nhà ngoại cảm*. Hiện nay trong nhân

thức và trong phát ngôn ở một số người đang đồng nhất những người có khả năng đặc biệt với nhà ngoại cảm. Thành thử đang có sự đánh đồng và lẫn lộn giữa nhà ngoại cảm đích thực với các "nhà" khác.

Thậm chí còn có tác giả viết trong một kỳ yếu Hội thảo khoa học: "Trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI này, tại Việt Nam đã liên tục xuất hiện những nhà ngoại cảm – Những người có khả năng nghe được âm thanh lạ, nhìn thấy hình ảnh của người đã chết. Chúng ta chỉ điểm sơ bộ qua các phương tiện thông tin đại chúng, cũng thấy hàng chục thậm chí cả trăm người như vậy." Viết như thế, rõ ràng có hai vấn đề không ổn: *Một là*, khái niệm về nhà ngoại cảm nêu trên thật sự bị đơn giản hóa. Hai là số lượng nhà ngoại cảm nêu trên là con số không lồ, không thực tế!

Vi vậy, vấn đề đặt ra cho các tổ chức nghiên cứu về con người và tâm linh là cần xây dựng các khái niệm hoặc nội hàm về:

- Nhà tiên tri
- Nhà ngoại cảm
- Người có giác quan thứ 6
- Nhà cảm xạ
- Nhà thôi miên
- Người có khả năng...

- Người có khả năng nhập hồn
- Người có khả năng áp vong
- Người là thanh đồng;

Ngoài các khái niệm trên còn cần xây dựng các khái niệm khác liên quan để hệ thống lý thuyết về vấn đề tâm linh hướng tới hoàn thiện hơn nhằm phục vụ các đề tài nghiên cứu và giúp cho cách gọi của nhân dân đối với người có khả năng đặc biệt được chính danh, đồng thời hạn chế được sự ngộ nhận.

Như vậy người có khả năng đặc biệt là cách gọi chung nhất. Tùy theo từng người có thể có các biểu hiện đặc biệt:

- Tự *bản thể* người đó dự báo được nhân sự, gia sự, quốc sự trong ngắn hạn hoặc dài hạn về thời gian;
- Tự *bản thể* người đó nhận biết được âm thanh hoặc hình ảnh của người âm ở gần hoặc ở xa về không gian;
- Người đó có thể không dùng mắt để nhìn nhưng vẫn có thể đọc được chữ hoặc nhận ra quang cảnh xung quanh;
- Người đó có trường sinh học đặc biệt có thể dùng mắt và tay để khám và chữa bệnh cho người bệnh;
- Người đó được Đấng linh thiêng hoặc Vong ở bên cạnh *bản thể* (ở ngoài *bản thể*) mách bảo cho người đó những vấn đề người đó cần biết để giúp đời.

- Người đó được Đấng linh thiêng hoặc vong *nhập vào bản thể* để chữa bệnh cho người bệnh bằng tay thậm chí bằng cả chân, hoặc mách bảo cho những người cần xem gia sự biết được gia sự của mình. Nhưng khi Đấng linh thiêng hoặc vong tách ra khỏi *bản thể* thì người đó trở lại người bình thường, biểu hiện đậm nét trình độ học vấn và nghề nghiệp vốn có của người đó.

- v.v...

Vì nhiều lý do khác nhau, khả năng đặc biệt ở người nào đó có thể phát triển tăng lên theo thời gian, cũng có thể giảm đi, thậm chí mất hoàn toàn.

Nhiều người rất đề tâm đến ý kiến của ông Tổng giám đốc Liên Hiệp Khoa học công nghệ tin học ứng dụng, khi ông cho rằng: “Ở Việt Nam có gần 100 người có khả năng đặc biệt, trong đó chỉ có hơn chục người có khả năng tìm mộ thật sự xuất sắc, còn con số lừa bịp để trục lợi, hoặc hoang tưởng mình có khả năng đặc biệt phải đến hàng ngàn.”⁽³⁾ (Trong văn cảnh này, ông cũng chỉ dùng cụm từ “có khả năng đặc biệt”, không dùng cụm từ “Nhà ngoại cảm”). Đồng thời, tôi bày tỏ tâm sự tâm đắc với nhận định của tiến sĩ - thiếu tướng Chu Phác, khi ông tế nhị nói rằng: “Cẩn thận, kéo chính các nhà ngoại cảm làm

⁽³⁾ Website: www.kynguyentamlinh.com.vn

mất uy tín của mình”⁽⁴⁾. Tôi ngẫm hiều, khi tiến sĩ-thiếu tướng – trưởng Bộ môn nói như vậy chỉ là lo xa, còn đã là nhà ngoại cảm chân chính thì *ngoại cảm* được đầy đủ sức ~~sức~~ mạnh tiêu cực của kinh tế thị trường rồi!

Cộng đồng xã hội đã và sẽ biết ơn sâu sắc những người có khả năng đặc biệt, có tài có đức, đã nhiệt thành và gian khổ để giúp cho hàng chục ngàn gia đình tìm được hài cốt của các liệt sĩ và hài cốt của người thân, đã giúp cho hàng chục ngàn gia đình biết được sự bất ổn của âm phần, tiếp đó có được giải pháp khắc phục. Đồng thời một số người có khả năng đặc biệt đã chữa được bệnh cho rất nhiều người, giúp cho nhiều người sống khỏe và sống lâu hơn. Những người có khả năng đặc biệt đích thực có nhiều công hiến cho xã hội rất xứng đáng được tôn vinh.

B.T.Q.

* Giảng viên cao cấp, nguyên trưởng Bộ môn Quản lý nhà nước về văn hóa – xã hội, Học viện Hành chính quốc gia (đã về hưu); ĐT: 0913.300.123.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 23, ngách 183/37, phố Đặng Tiến Đông, Q. Đống Đa, HN.

⁽⁴⁾ Trung tâm Nghiên cứu tiềm năng con người, Bộ môn Cận tâm lý. Hội thảo khoa học “Giả thuyết, lý giải một số hiện tượng đặc biệt dưới góc độ khoa học”. TP. Hồ Chí Minh, 20-9-2009, tr. 41.

VONG VÀ VẤN ĐỀ TÂM LINH NGOẠI CẢM VỚI VIỆC LÝ GIẢI CÁC HÌNH THÁI BIỂU HIỆN CỦA VONG

GS. Trần Văn Hà

I. Vong và vấn đề tâm linh ngoại cảm ở Việt Nam

* Khoa học nhất là khoa học quân sự của thế giới đã có những tiến bộ khổng lồ trong thế kỷ XX. Hai cuộc chiến tranh thế giới và nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra, gây biết bao thảm họa cho nhân loại và cho nền văn hóa vật thể cũng như phi vật thể của nhiều nước trong đó có Việt Nam.

Việt Nam là nước nhỏ, nghèo, chưa phát triển nhưng đã thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, là những nước có tiềm lực quân sự hùng mạnh, nền kinh tế khoa học - công nghiệp phát triển ở mức độ cao. Vì sao vậy?

* Nhiều tướng tài, học giả trên thế giới như Mỹ, Anh, Pháp..v..v.đã viết nhiều sách, báo và trả lời phỏng vấn rằng: *Mỹ thua Việt Nam, Việt Nam đã thắng Mỹ không phải bằng sắt, thép, máy bay, bom đạn ...mà vì Mỹ chưa có hiểu biết cần thiết, đầy đủ về nền văn hóa truyền thống dân tộc (văn hóa vật thể và phi vật thể) của Việt Nam - một nước có bề dày lịch sử với 4000 năm văn hiến, trong khi nước Mỹ mới chỉ có lịch sử hơn 200 năm mà thôi. Việt Nam lại có vị lãnh đạo anh minh, thiên tài là Chủ tịch*

Hồ Chí Minh, mà UNESCO đã tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất (1990).

* Từ vài chục năm qua, nhất là trong thập kỷ đầu của **Thế kỷ 21-Thế kỷ tâm linh**, Việt Nam lại nổi trội trên trường quốc tế là có một nền văn hóa phi vật thể - văn hóa tâm linh đặc sắc đã được nhiều thành tựu mới kỳ lạ và kỷ lục. Đã xuất hiện từ hàng vài trăm đến hàng ngàn nhà ngoại cảm (bao gồm cả những bà, cô “đồng thiên”) có danh tính, địa chỉ, có thành tích cụ thể, đã tìm kiếm được hàng chục vạn hài cốt của những người đã khuất mà thân nhân họ từng trông chờ vô vọng trong hàng chục năm trời. Trong số những hài cốt tìm được có:

- Hài cốt của nhiều lãnh tụ, nhà hoạt động chính trị, văn hóa lịch sử như các cô *Tổng Bí thư Trần Phú, Hà Huy Tập* (mới tìm thấy gần đây), nhà văn Nam Cao.v.v...

- Hài cốt của hàng chục vạn anh hùng, liệt sĩ, binh sĩ, đồng bào ở cả hai miền Nam và Bắc của đất nước.

- Hài cốt của hàng trăm binh sĩ Mỹ đã chết trận ở Việt Nam, đã được phía Mỹ tiếp nhận và kiểm tra xác nhận là đúng bằng các công nghệ khoa học, kỹ thuật hiện đại như phương pháp xác định qua ADN...

* Tôi đã có dịp tìm hiểu, trực tiếp phỏng vấn nhiều nhà ngoại cảm, nhiều nhà khoa học có khả năng ngoại cảm (chị Năm Nghĩa - Cựu chiến binh; anh Nguyễn Văn Nhã - kỹ sư Hóa học...) : Họ đều cho biết là *chính vong linh của người đã khuất, hoặc vong của quan thầy tâm linh của họ*

đã chỉ đạo và hướng dẫn tới địa điểm có hài cốt. Mỗi gia đình Việt Nam ở trong và ngoài nước đều có bàn thờ cúng tổ tiên. Đảng và Nhà nước đã có quyết định rất đúng đắn, hợp lòng dân là lấy ngày giỗ Tổ Hùng Vương làm ngày Quốc Lễ.

Vậy Vong là có thật, Vong của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, người thân của mình đã khuất là có thật, vong linh của các anh hùng liệt sĩ, của các danh nhân văn hóa, chính trị, xã hội là có thật. Không còn là vấn đề phải tranh luận, bàn cãi khi chúng ta đã trải qua thập kỷ đầu của Thế kỷ tâm linh - Thế kỷ 21.

Vấn đề chính tồn tại là cần lý giải những hình thái biểu hiện của vong trên cơ sở khoa học để một mặt phải kiên quyết chống mê tín dị đoan và những tư tưởng, hành vi tiêu cực khác; mặt khác có quyết sách đúng đắn, sáng tạo để đưa Việt Nam - một nước vốn có nền văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống dân tộc đáng kính nể, sớm sánh vai với các cường quốc năm châu, sớm thành công trong vị trí mới của mình theo như Bác Hồ hằng mong đợi và đã tiên tri.

II. Thử lý giải các hình thái biểu hiện của vong

Vong, vong linh, tâm hồn, khí (gồm cả dương khí, âm khí), năng lượng..., đều thuộc một phạm trù. Tùy theo góc nhìn của người ta mà có tên gọi khác nhau.

1. **Fritjob Capra** (sinh năm 1939)- Giáo sư vật lý học hiện đại, trong tác phẩm nổi tiếng của mình “**Đạo vật**

lý, một khám phá về sự tương đồng giữa vật lý hiện đại và đạo học Phương Đông"⁽¹⁾ có đoạn viết như sau: "...Hồi tôi khám phá ra những điểm song hành giữa thế giới quan vật lý và đạo học Phương Đông, những điều đã được nhiều người mơ hồ cảm thấy nhưng chưa bao giờ được nghiên cứu cặn kẽ, tôi thấy rõ mình chỉ là người phát hiện một điều vốn đã rất rõ ràng và điều đó sẽ trở thành kiến thức chung trong tương lai; và *thỉnh thoảng khi viết đạo vật lý, thậm chí tôi có cảm giác những gì được viết thông qua tôi, chứ không phải tôi viết* (văn hóa tâm linh Việt Nam thường cho đó là Thần linh giáng bút - tôi ghi chú)

Và Fritjob Capra có nhắc đến luận thuyết của Trang Tử: "*Vật chất là khí tụ lại, khí là vật chất tan ra*", và học thuyết của Einstein về năng lượng đã lý giải năng lượng bằng đẳng thức nổi tiếng: $E = m.c^2$

Trong đó: E: năng lượng; m: khối lượng; c: vận tốc ánh sáng

Einstein còn cho rằng ở thế kỷ 21, Phật giáo, siêu tôn giáo không có gì phải thay đổi về mặt triết học.

Triết học của Phật giáo: Sắc sắc, Không không; Vô ngã vô thường..."

Sắc là vật thể, màu sắc, tiếng nói... là vạn pháp

Không là không khí, khoảng không vũ trụ⁽²⁾

⁽¹⁾ *The Tao of physics, an exploration of the parallels between modern physics and eastern mysticism*. Dịch giả Nguyễn Trường Bách NXBT Trẻ

⁽²⁾ Albert Einstein (1879-1955), Nhà bác học vật lý thiên tài, đoạt giải Nobel 1921 về vật lý học.

Ernest Rutherford (nhà vật lý học người Anh đoạt giải Nobel 1908) cho thấy nguyên tử không hề là những hạt nhỏ, không thể phân chia mà chỉ là không gian trống không, trong đó những hạt li ti gọi là electron vận động quanh hạt nhân bằng điện lực. Thuyết lượng tử còn cho rằng bản thân những hạt đó cũng như những đơn vị hạ nguyên tử là không vững chắc. Những đơn vị hạ nguyên tử là một cấu trúc trừu tượng với thuộc tính hai mặt. *Tùy theo chúng ta nhìn nó như thế nào mà chúng xuất hiện, khi là hạt, khi là sóng, ánh sáng hai mặt, khi là sóng điện từ, khi xuất hiện như hạt.*

Erono Munda Sep trong tác phẩm nổi tiếng của mình "*Chúng ta thoát thai từ đâu*" đã cùng với chuyên gia vật lý trường VaLêri Lobancôp nghiên cứu nguồn gốc loài người xuất phát từ Tây Tạng đã khẳng định với nhiều chứng cứ khoa học là tổ tiên loài người không phải là khí (vượn người) mà là người từ nhiều kỷ nguyên trước - người Atlan...; *Tinh thần có trước dưới dạng khí, vật chất có sau... Vật chất phát sinh từ tuyệt đối là như vậy*⁽³⁾

2. Nhiều nhà ngoại cảm, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, nhà dịch học, văn học, nhất là những người mà tôi đã trực tiếp phỏng vấn, tìm hiểu đều nói *Vong, vong hồn, tâm linh, thiên khí, âm khí, năng lượng, nhân điện.... là có thật, biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau: âm thanh, tiếng nói, hình sắc, khí, nhân điện... và đều lý giải theo góc nhìn của*

⁽³⁾ Xem chương IV: Lịch sử loài người trên trái đất, trang 445- tác phẩm "*Chúng ta thoát thai từ đâu*" Tác giả: Mun- đa- sêp: Tiến sĩ y học, Giám đốc Trung tâm phẫu thuật Mắt và tạo hình Liên bang Nga, thuộc Bộ Y tế Nga.

riêng mình (khoa học ngoại cảm, cận tâm lý học, khoa tâm - y sinh lý học, triết học, văn học, giáo dục học...). Có thể kể ra như cố giáo sư Hoàng Phương, cụ Nguyễn Khắc Niệm - nhà dịch học, G.S Viện sĩ Vũ Tuyên Hoàng, kỹ sư Nguyễn Văn Nhã, chị Năm Nghĩa, cô đồng Phương ở Hàm Rồng, nhà giáo Phùng Ngọc Bích, nguyên Chủ nhiệm Câu lạc bộ Thơ ca cổ truyền...

Tôi cũng đồng tâm, đồng ý, đồng khí với nhiều nhà khoa học và ngoại cảm đã có tham luận đọc tại Hội thảo ngày 20/9/2009 được tổ chức ở bảo tàng Quân khu 7, TP Hồ Chí Minh, có ý kiến bổ sung của đại biểu đã được nhà giáo Quan Lệ Lan, thư ký hội thảo, tóm tắt như sau:

“Vận dụng các kết quả trên, ta có thể hiểu và tin “Vong” là có thật (tôi xin có ý thêm: Vong linh, Tâm linh, Năng lượng, Khí, Khí dương, Khí âm đều là có thật). Những nhận biết quá khứ, tương lai, những thần thông, biến hóa là có thật...Hồn chính là sóng sinh học, Xác là khung cộng hưởng hữu cơ”.

Tôi xin thêm ý kiến: Những nhà khoa học có khả năng ngoại cảm, những nhà ngoại cảm cũng tương tự như “Máy thu hình sinh học có Anten đặc biệt” có thể nhận, bắt được tín hiệu, tần số của Vong hồn...

III. Kết luận và kiến nghị:

Kết luận: Vong là có thật; Vấn đề vong linh, tâm linh ngoại cảm là có thật (bao gồm hàng chục vạn việc thật, người thật có nhiều thành tích trong việc tìm hài cốt

các liệt sĩ, chiến sĩ, đồng bào...và đã được các cơ quan chức năng, tổ chức xã hội xác nhận). **Đã là có thật thì cần được nghiên cứu và xử lý đúng đắn trên cơ sở khoa học và trên cơ sở nền văn hóa truyền thống đặc biệt của Việt Nam** (Văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa tâm linh). Việc làm của Trung tâm Nghiên cứu tiềm năng con người là đạo đức, có lợi ích cho đất nước, đã đem lại hạnh phúc cho hàng vạn gia đình trên cả nước ta, cũng như cho hàng ngàn gia đình Mỹ có cha, chồng, con, anh em và người thân chết trận tại Việt Nam.

Kiến nghị 1: Những tổ chức, cá nhân có công trong công tác nghiên cứu đạt hiệu quả; Các nhà ngoại cảm và cá nhân tìm được từ 100 hài cốt trở lên đến trên 5000 hài cốt cần được chính quyền, cơ quan chức năng các cấp có trách nhiệm xác nhận và khen thưởng thích đáng (đề nghị cần được thảo luận tại cuộc hội thảo này). Nhà nước cần có ngân sách đầu tư thích hợp để sớm tổ chức Viện Nghiên cứu tâm linh hoặc Viện Nghiên cứu tiềm năng con người vì hiện nay nhiều nước đại công nghiệp phát triển trên thế giới như Mỹ, Nga, Anh, Pháp..v.v..đã thành lập các Viện Nghiên cứu vấn đề này từ lâu rồi.

Hiện nay còn hàng triệu gia đình trên khắp cả nước ta đang trông cậy vào Đảng, Nhà nước, các nhà ngoại cảm tìm kiếm hài cốt cha mẹ, anh em, người thân rải rác trên các chiến trường trong chiến tranh và chỉ có **Viện Khoa học Tâm linh Việt Nam mới có trình độ và khả năng phối hợp với các tổ chức xã hội trong nước có đồng**

chức năng cùng hợp tác làm việc và liên kết với các Viện nghiên cứu quốc tế để nâng cao kiến thức khoa học và đạt hiệu quả mong muốn của mình.

Kiến nghị 2: Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch, Học viện Chính trị Quốc gia HCM cần tiếp tục đổi mới cả về nội dung giáo trình phương pháp - nhật tân, hựu nhật tân - nhất là các chương trình về Sử, Địa, Văn hóa, Pháp luật, Hành chính để nhân dân, cán bộ, sinh viên, học sinh ngày càng hiểu rõ và đúng về lịch sử, văn hóa, văn hóa vật thể và phi vật thể, tâm linh...của đất nước mình, tổ chức việc thờ cúng tổ tiên trong gia đình mình, tổ chức các lễ hội trong đó có Lễ Hội Đền Hùng-Ngày giỗ Tổ Hùng Vương đã trở thành Quốc lễ, cho nghiêm túc, cho phải "Đạo". Tránh bệnh hình thức, lãng phí, tránh tệ nạn tham nhũng, mê tín dị đoan và mọi hành vi tiêu cực khác.

Kiến nghị 3: Cần có chiến lược, quyết sách mới, nhiều chính sách và chủ trương mới có tâm và có tầm trên cơ sở khoa học và **phù hợp với nền văn hóa vật thể và phi vật thể- tâm linh truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc, được bổ sung và nâng cao trong thời kỳ hội nhập** (đề nghị cũng được thảo luận trong hội thảo này)⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ Dự thảo luận, trao đổi ý kiến về "Nội dung nền văn hóa phi vật thể- Tâm linh truyền thống mang đậm đà bản sắc dân tộc, được bổ sung và nâng cao trong thời kỳ hội nhập?"

Chúng ta có thể vững tin rằng: Nếu như nền văn hóa truyền thống gia tộc đã giúp Việt Nam đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ ở thế kỷ 20 thì nền văn hóa vật thể và phi vật thể - tâm linh được bổ sung và nâng cao sẽ giúp Việt Nam sớm thành công trước thời hạn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm xây dựng Việt Nam mới "*to đẹp hơn, đàng hoàng hơn*" như *Bác Hồ* hằng mong đợi và tiên tri.

Việt Nam sẽ giữ vững vị trí mới trên trường quốc tế vào giữa Thế kỷ 21- Thế kỷ tâm linh ngang hàng hoặc hơn nhiều nước hàng đầu, không phải bằng GDP, sắt thép, vũ khí mà bằng nền văn hóa truyền thống dân tộc mới tạo ra một xã hội văn minh, dân chủ thực sự, công bằng, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành; không còn nạn thất nghiệp, tệ nghiện hút ma túy, HIV; không còn các tệ nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu là 3 loại giặc nội xâm. **Và chúng ta tin tưởng rằng Việt Nam sẽ đứng vào hàng ngũ các nước trong sạch nhất thế giới trong những thập kỷ tới của Thế kỷ 21- Thế kỷ tâm linh.**

TVH

Hà Nội, những ngày cuối năm - tháng 12/2009

SỰ TỒN TẠI CỦA VONG

NHÌN NHẬN DƯỚI GÓC ĐỘ Y SINH HỌC

GS, TS. Phan Thị Phi Phi

1. Đặt vấn đề: Sự tồn tại của “vong”, có hay không?

Đây là một câu hỏi cơ bản nhất trong tâm linh học của những người đứng đắn. Vong thường dùng để chỉ sự tồn tại của linh hồn con người hay sinh vật nói chung (động vật và thực vật) sau khi chết.

Thông thường nhất, chết là một cách kết thúc của bệnh. Chết thường là một quá trình, tuy rằng có khi chỉ kéo dài vài chục giây, vài phút, vài ngày. Đó là “tình trạng cuối cùng của sự sống”.

Chết thường đi qua các giai đoạn như tiền hấp hối, hấp hối và chết lâm sàng. Ở giai đoạn chết lâm sàng các dấu hiệu bên ngoài của sự sống không còn nữa (thở, tim đập, co đồng tử...) do các trung tâm ở não ngừng hoạt động. Tuy nhiên, nhiều tế bào của cơ thể vẫn còn sống, còn hoạt động chức năng, kể cả tế bào não. Ở giai đoạn chết lâm sàng, nhiều trường hợp còn có thể hồi phục, nhất là khi chết đột ngột, cơ thể trước khi chết không bị quy kiệt.

Sau giai đoạn chết lâm sàng là giai đoạn chết sinh học. Sự sống sau giai đoạn này thường không hồi phục được. Giai đoạn này dài (phút, giờ). Một số tế bào quen

chịu đựng thiếu oxy vẫn sống và hoạt động được trong giai đoạn chết sinh học. Người chết trong giai đoạn này còn cho được tạng để ghép cho người bệnh tương thích. Những người qua luyện tập thiền, giai đoạn chết sinh học có thể rất dài.

Dân ta có niềm tin rằng sau chết “linh hồn” lìa khỏi thân xác, lang thang đâu đó. “Linh hồn” ở đây ám chỉ tổng năng lượng tồn dư của người chết. Khi khâm liệm phải hú gọi “hồn nhập trở lại vào thân xác”. Việc hú gọi này phải do người thân cùng huyết thống (là tốt nhất) thực hiện. Người thời nay còn làm như vậy theo người thời xưa.

Theo phong tục miền Bắc Việt Nam thì sau mai táng từ 3 năm đến 5 năm sẽ tiến hành cải táng cho người thân, chôn cất, giữ gìn bộ xương nguyên vẹn của người thân. Có những trường hợp đặc biệt, lễ cải táng được thực hiện rất nhiều năm sau, có thể lên đến nhiều chục năm, nhiều nghìn năm...

Bộ xương tồn tại rất lâu. Qua di tích khảo cổ, nhiều bộ xương (toàn vẹn hay một phần) tồn tại nhiều nghìn năm. Bộ xương của người đã chết còn giữ năng lượng sinh học hay không? Nếu còn, thì vong là biểu hiện của năng lượng tồn dư đó của xương, phát ra từ di hài? Hay còn một tổng năng lượng nhất định của một cá thể quần quanh bộ xương cùng với năng lượng bộ xương tạo thành “linh hồn”, tạo thành “Vong”? Thật là khó chứng minh.

Mọi người đều nhìn thấy hay nghe kể lại, tự đọc báo hay xem truyền hình về nhiều di hài vua chúa đã được chôn cất đặc biệt vẫn nguyên hình dạng với cơ, xương, da, tóc, ăn vận đầy đủ áo quần lúc mới khai quật. Khi ánh sáng tràn ngập vào, di hài sẽ phân rã và hỏng nhanh; nhưng bộ xương vẫn còn.

Những nàng phi, những quận chúa thời Lê khai quật được, đã được duy trì cả hình dạng trong hòm kính đặt ở Viện Giải phẫu Việt Nam ở phố Tăng Bạt Hồ một thời gian khá lâu trước khi đưa vào Viện Bảo tàng. Những vị vua Pharaon ở Ai Cập cổ đại vẫn còn nguyên khi mới khai quật.

Thời ta, di hài những người lính chiến ở Kbang, Knak Tây Nguyên khai quật sau hơn 30 năm vẫn còn xương cốt. Và, đặc biệt là "linh hồn" của các bộ xương cốt ấy đã có cách liên lạc với nhà ngoại cảm qua dạng thông tin nào đó, có phải là năng lượng sinh học không? Họ nói lên thực trạng nằm dưới đất của họ (hay của các đồng đội nằm cận kề) nói lên nguyện vọng của họ và nhận biết nguyện vọng của người thân còn ở dương thế. Mới đây, người dương thế đã có cách xác định huyết thống của người đã mất, Xác định di hài người chết. Những vật chất di truyền của di hài còn lại (xương, tóc, răng, móng tay, chân...) đã được thử ADN (hay ARN) để tìm huyết thống. Những chất liệu di truyền này ta có thể tiếp cận được khi khai quật, dù là khai quật sau rất nhiều năm.

Nói chung, ta còn tìm thấy ADN ở di hài người đã mất.

2. Giới thiệu về ADN: ADN là viết tắt của từ Acid Deoxyribo Nucleic.

ADN là vật chất di truyền có tính vạn năng, có khả năng chuyển nạp ADN giữa các loài khác nhau mà chức năng di truyền vẫn được duy trì.

Trong nhân tế bào ADN liên kết với protein tạo thành các nhiễm sắc thể. Ngoài nhân tế bào, trong các bào quan của tế bào như ty thể, lục lạp và thể trung tử của tế bào nhân chuẩn (eucaryot) cũng như epison (proaryot) cũng đều có ADN.

Các phân tử ADN ở tế bào nhân chuẩn là các phân tử dạng sợi xoắn kép, mạch thẳng. Các phân tử ADN ở tế bào nhân chưa chuẩn và của các bào quan đều là các phân tử mạch vòng.

Đối với một số virus, không phải ADN mà ARN (Acid Ribo Nucleic) làm nhiệm vụ của vật chất di truyền.

ADN điều khiển các quá trình sống của tế bào qua phiên mã thành ARN thông tin - mARN và mARN sẽ được dịch mã thành phân tử protein là các chuỗi polypeptid (đa peptid) gồm các acid amin liên kết với nhau. Trình tự các chuỗi acid amin trong protein được quyết định bởi trình tự các nucleotid của ADN thông qua mã di truyền. Protein là kiểu hình của gen. Protein thực hiện các chức năng chính của sự sống là:

- Tạo ra cấu trúc tế bào, mô.
- Điều khiển các quá trình sống.
- Xúc tác các phản ứng trao đổi chất trong cơ thể sống.

Mã di truyền thay đổi khi trình tự nucleotid thay đổi (do đột biến gen, mất đoạn gen...) làm thay đổi trình tự acid amin của protein đưa đến cấu trúc và chức năng của protein bị thay đổi. Những thay đổi tốt sẽ được chọn lọc, duy trì. Những thay đổi xấu sẽ bị thải loại trong quá trình tiến hóa.

3. Thành phần hóa học của ADN.

Về mặt hóa học, ADN được cấu tạo bởi ba thành phần chính: (1) các bazơ nitơ, (2) đường pentose và (3) một gốc photphat. Bazơ và đường liên kết với nhau bằng liên kết glucosid tạo thành nucleosid. Acid phosphoric liên kết với nucleosid bằng liên kết ester tạo thành mononucleotid.

3.1 Các Bazơ nitơ: Các bazơ nitơ trong ADN đều là dẫn xuất của pyrimidin và purin. Các bazơ thuộc nhóm purin có ademin (A) và guanin (G), còn các bazơ thuộc nhóm pyrimidin có cytosin (C), uracil (U) và thymin (T).

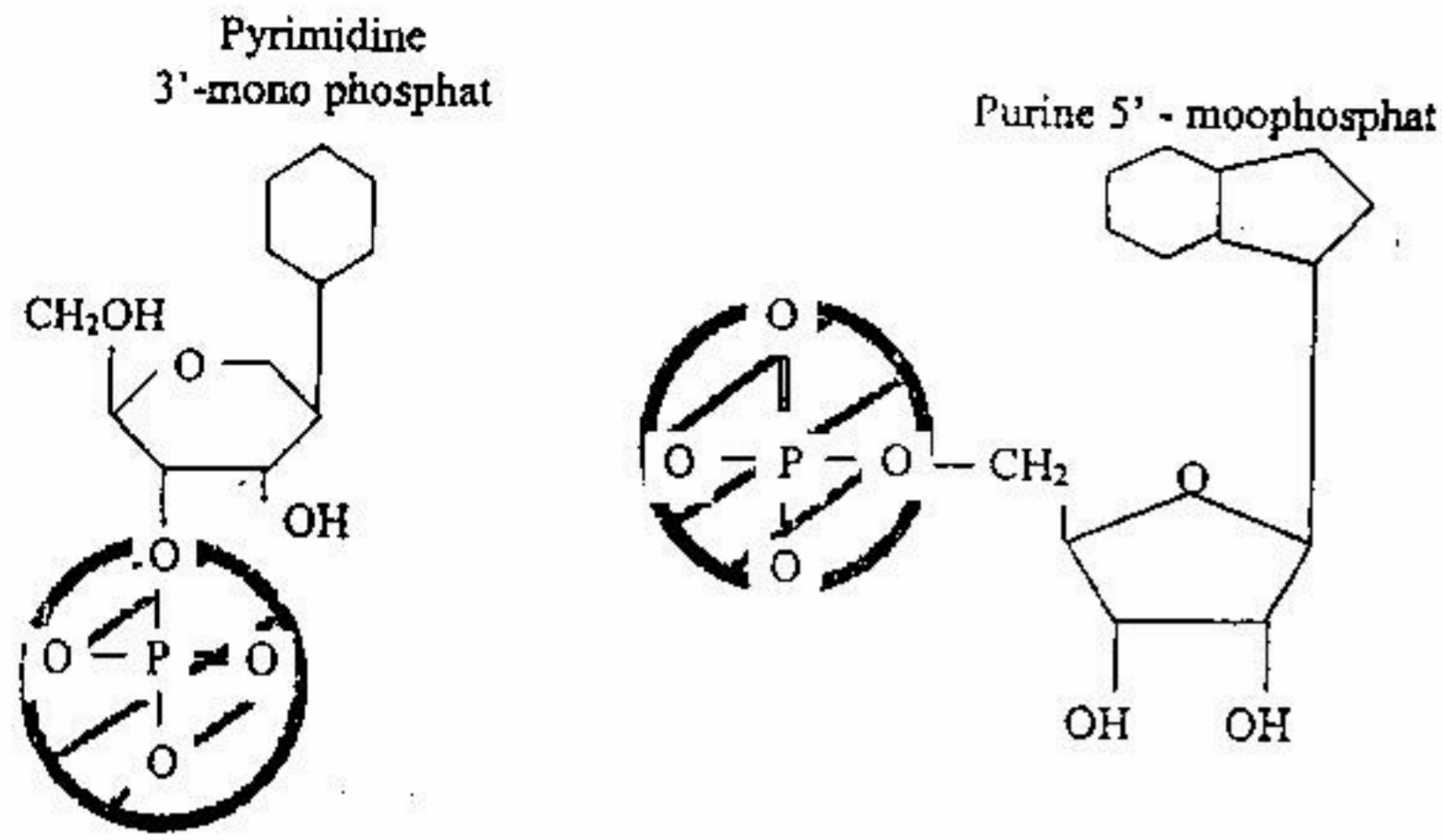
Mỗi loại acid nucleic (ADN, ARN) có bốn loại bazơ: 2 bazơ purin là adenin và guanin (có mặt cả trong ADN và ARN). Hai bazơ pyrimidin là cytosin và thymin (có trong ADN) còn uracil thay thế thymin trong ARN.

Như thế ADN chứa A, G, C, T.

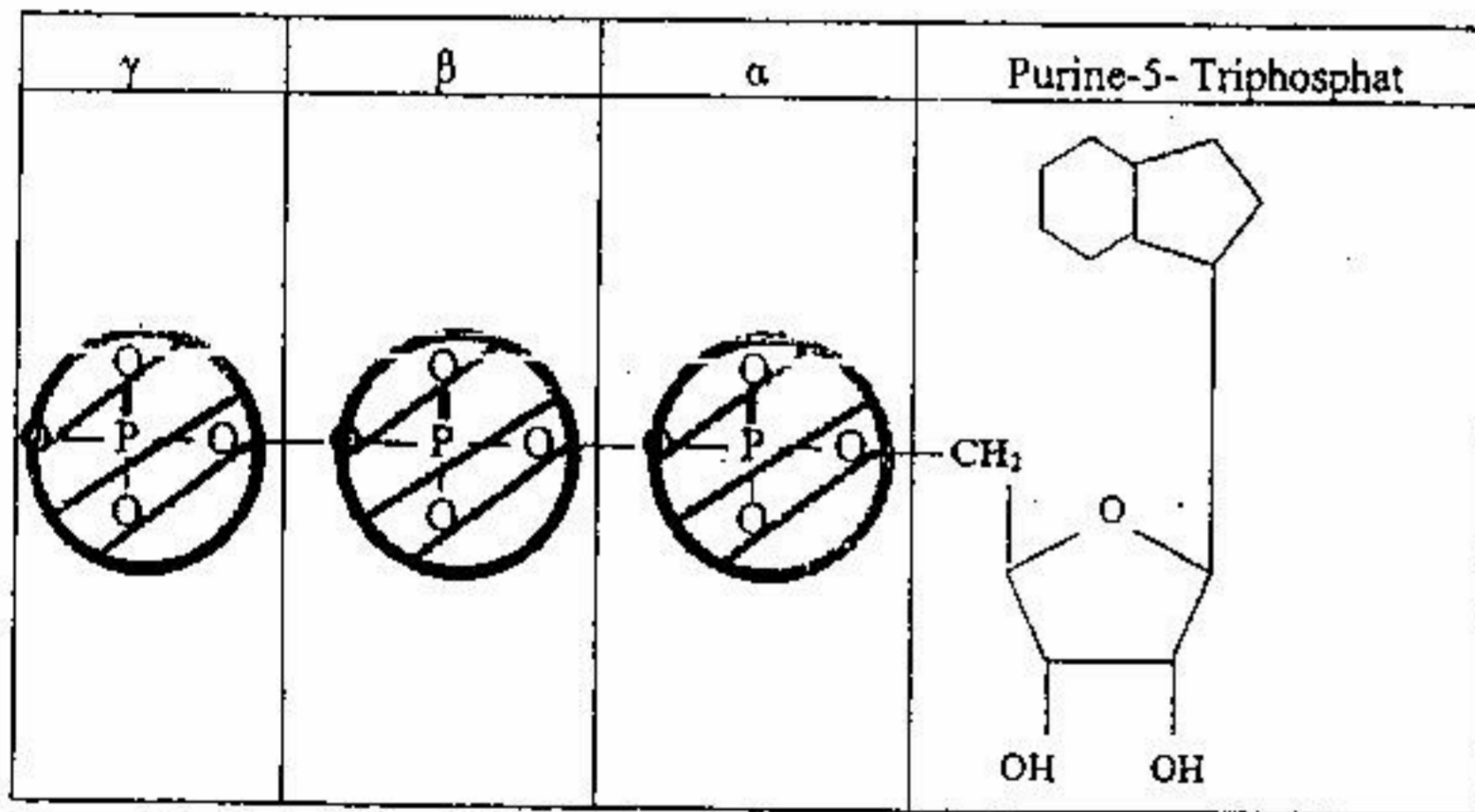
ARN chứa A, G, C, U.

3.2 Đường pentose: Đường pentose tìm thấy trong acid nucleic (acid nhân), có hai loại khác nhau, khác biệt trong ADN và ARN. Tên gọi ADN và ARN là tùy theo loại đường có trong phân tử: ribose trong ARN (acid ribonucleic) và 2-deoxyribose trong ADN (acid 2-deoxyribonucleic).

3.3 Các liên kết hóa học trong nucleotid: Sản phẩm liên kết giữa phân tử đường và phân tử bazơ nitơ được gọi là nucleosid. Sản phẩm liên kết của ba thành phần bazơ nitơ - pentose - phosphat được gọi là nucleotid. Nucleotid có thể chỉ gắn với một gốc phosphat (AMP: Adenosine monophosphat) hoặc 2 (nucleosid diphosphat - NDP) hoặc 3 gốc phosphat (NTP: nucleosid triphosphate), được sử dụng làm nguồn năng lượng cho các hoạt động khác nhau của tế bào. Liên kết phosphat cất giấu nhiều năng lượng.



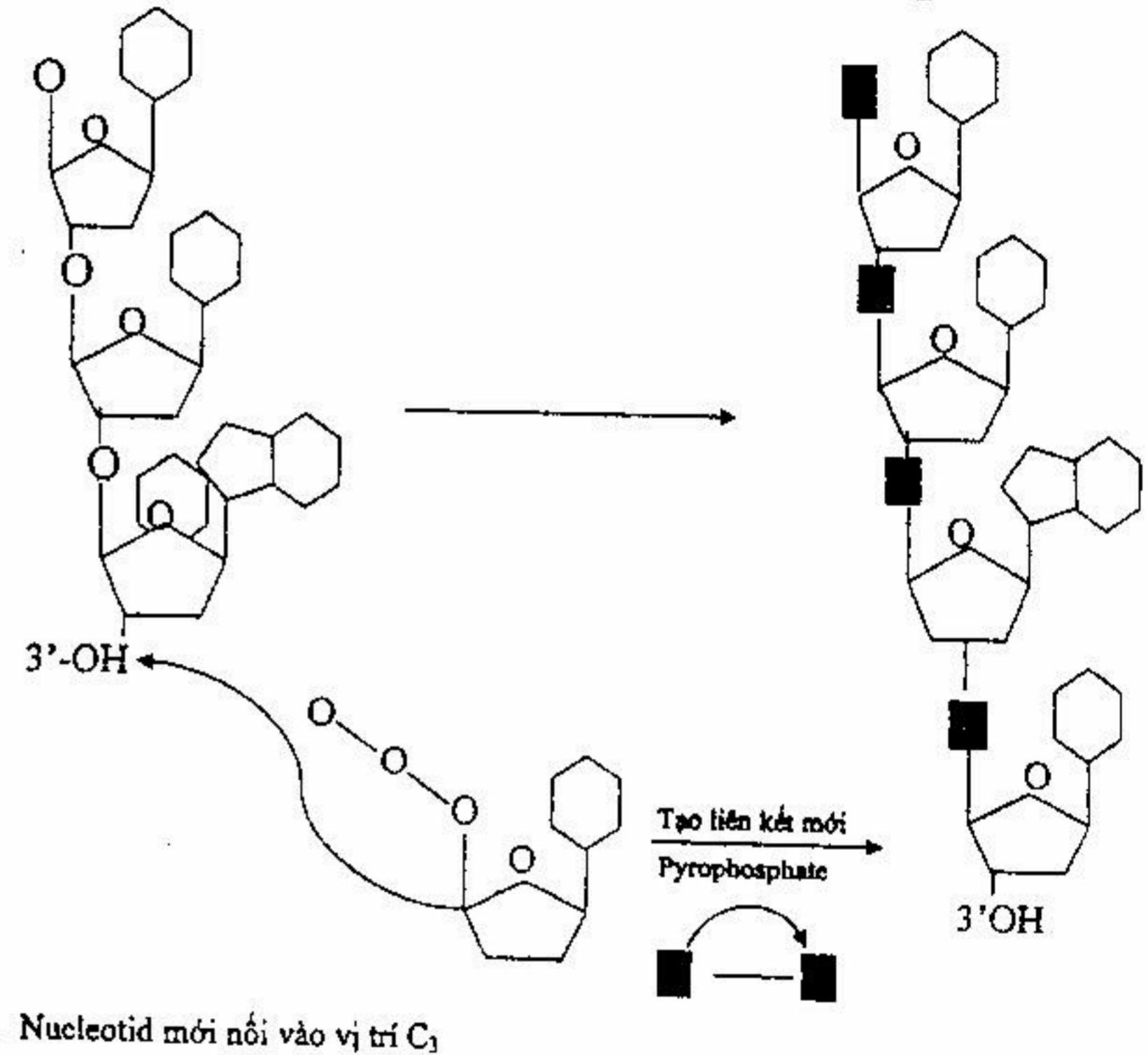
Hình 1: Phân tử cơ bản của acid nucleic gốc phosphat có thể gắn vào C3 hay C5 của phân tử đường



Hình 2. Một phân tử nucleosid - 5' - triphosphat mang ba gốc phosphat ký hiệu α , β và γ tính từ vị trí C5.

Khi trao đổi chất năng lượng được tích lũy một phần dưới dạng hóa năng ATP (adenosin triphosphat). Có thể có phản ứng liên kết một phân tử NTP (nucleosid

triphosphat) vào chuỗi polynucleotid (thông qua gốc phosphat của NTP và quá trình ester hóa nhóm OH ở C3 của chuỗi polynucleotid) và một phân tử pyrophosphat được giải phóng kèm với giải phóng năng lượng.



Hình 3: Phản ứng liên kết một phân tử NTP vào chuỗi polynucleotid và Một phân tử pyrophosphat được giải phóng.

Các nhà khoa học đã chứng minh rằng trung bình một liên kết phosphat khi phân rã sẽ cho 7,3 kilocalo/mol (dao động từ 5 đến 10,15 kcal/mol).

Câu hỏi khác lại được đặt ra. Phản ứng liên kết thu năng lượng và phản ứng phân rã giải phóng năng lượng có thể xảy ra ở cơ thể không sống? Năng lượng tạo liên kết - phân rã là từ đâu, có phải từ nhà "ngoại cảm sống" không? Những bí ẩn này làm hiện tượng càng bí ẩn thêm. Nhưng tiềm năng năng lượng cất giấu trong NTP, ATP, ADP là rõ ràng và đo đạc được.

Khi di hài còn tồn tại ADN (đặc biệt ADN của thi thể là rất bền vững) là ta đã có tiềm năng năng lượng. Dạng năng lượng này của vong có khác gì với dạng hóa năng thông thường của cơ thể sống? Nó có được khởi động liên kết - phân rã, khuếch đại khi tương tác với năng lượng sinh học của nhà ngoại cảm, một cơ thể sống khác, có thể có hòa hợp với vong? Năng lượng ngoài bộ xương của vong vẫn còn là một bí ẩn, nếu có tồn tại.

Hy vọng một ngày nào đó chúng ta có thể kịp hiểu nhiều điều bí ẩn quanh ta.

HIỆN TƯỢNG NGOẠI CẢM

GS, TS. Lê Xuân Tú

Câu chuyện về những hiện tượng ngoại cảm như "có thể nói chuyện với người chết" của một số người có khả năng đặc biệt như chị Phan Thị Bích Hằng và một số người khác theo tôi là điều có một độ tin cậy nhất định. Kết quả về việc tìm mộ bằng phương pháp ngoại cảm trong một số trường hợp có độ tin cậy nhất định.

Bàn về vấn đề này thực sự là một việc quá khó. Những công cụ khoa học hiện đại chưa cho phép ghi nhận. Nếu các hiện tượng ngoại cảm tồn tại, theo tôi điều đó phải liên quan đến vấn đề năng lượng. Năng lượng đó là năng lượng gì, cường độ và sự tương tác năng lượng đó như thế nào, chắc còn lâu mới tìm ra một lời giải được số đông công chúng công nhận. Tôi vẫn cho rằng biên giới phân biệt giữa hai trường phái duy tâm và duy vật chỉ là tương đối trong một thế giới siêu vi mô vì sự hiểu biết của chúng ta quá ít ỏi, vì ta tự đặt ra những khái niệm trên một nền tảng quá hạn hẹp về kiến thức. Nhiều tiến bộ khoa học tuyệt vời như việc tìm ra bản đồ "gen" của người, những biến đổi và tương tác cực yếu trong thế giới vi mô lại quyết định cái lớn. Là một người nghiên cứu về khoa học sự sống nhiều năm, tôi cho rằng hiện tượng ngoại cảm là có, nhưng không phải ở tất cả mọi người, khi chúng ta dùng từ "cảm" thì đây là một quá trình sinh học rất đặc thù

cho từng cá thể, có điều khả năng ghi nhận cảm giác ngoại cảm ở con người hiện nay chưa được thực hiện, nhưng tôi hy vọng trong tương lai với sự phát triển của công nghệ và năng lực tư duy của con người chúng ta có thể thực hiện được. Sức mạnh của trí tưởng tượng, năng lực tư duy của con người bao giờ cũng đi trước một bước tiến xa, rồi mới đến công nghệ.

Con người mơ đặt chân lên Mặt Trăng đã mấy nghìn năm trước đây, nhưng mãi gần đây ở thế kỷ XX mới thực hiện điều này. Tôi tự hỏi tại sao con người ở thế kỷ XXI, mà trí tưởng tượng và năng lực tư duy lại có vẻ ít hơn các bậc tiền bối sống cách đây mấy ngàn năm.

Có một cái gì đó huyền bí và nguyên vẹn tồn tại trước lúc khai thiên lập địa. Tĩnh mịch vô hình, tròn vẹn và bất biến. Nó sống mãi ở khắp mọi nơi trong hoàn thiện và từ nó mọi vật được sinh ra...

LÀO TỬ (TK VI - V.TCN)

Trích trong: "Thế thiên hành đạo"

KHẢ NĂNG TIỀM ẨN CỦA CON NGƯỜI NHÌN DƯỚI GÓC ĐỘ SINH HỌC

GS, TS. Nguyễn Ngọc Kha

Khả năng tiềm ẩn của con người rất lớn, chúng ta chỉ thấy khi nó được biểu hiện ra ngoài dưới hai dạng:

Một là, những khả năng của cơ chất thể lực, đó là sản phẩm được coi như là biểu hiện "dị thường" (khác thường) của cơ thể con người. Những biểu hiện dị thường này gần như được mọi người thừa nhận, thế giới ghi nhận vào "guinness" ít phải bàn cãi mà gần như mặc nhiên công nhận như là thiên bẩm cùng với sự khổ tâm luyện tập của con người. Những biểu hiện của dạng tiềm năng như: Những kỳ lục thể thao thế giới, người đi trên thảm mỏng thủy tinh, cho ô tô lăn trên người, uốn dẻo gấp người, đọc nhắm, tính toán nhanh như máy tính.

Hai là, những khả năng trí tuệ và tiềm thức, là sản phẩm của tư duy ý thức, đó là sản phẩm của hai dạng tư duy.

Tư duy *logic luận*, nền tảng của khoa học hiện đại được chứng minh, thực nghiệm và tái hiện lại; còn tư duy logic thứ hai là *logic trực giác* được coi như một trạng thái xuất thần của ý thức, là nguồn gốc của những ý tưởng mới, những phát minh vĩ đại, những biểu hiện của nó như là một sản phẩm kỳ dị "dị thường" của con người. Có thể kể

một vài biểu hiện của logic trực giác khoa học, một biểu hiện như một trạng thái xuất thần: ý tưởng xuất thần về một sức hút trái đất của Newton, sức đẩy thủy lực của Archimède... Trong đời sống nhân loại nhiều biểu hiện thuộc phạm trù logic này rất rộng, bao gồm từ những biểu hiện do nhu cầu: đời sống thường đề ra như khả năng tìm nguồn nước ngầm (lĩnh vực cảm xạ học) của con người, khả năng tiếp giao điều khiển loài dã thú như: rắn, động vật hoang dã... đến những khả năng hết sức đặc biệt như đoán nhận tiềm thức người khác về hiện tại, quá khứ và tương lai, tìm hài cốt... cao hơn nữa là những tư duy siêu hình thuộc phạm trù tôn giáo, một thế giới ngoài thế giới hiện hữu con người hiện nay.

Tóm lại, những biểu hiện của logic suy luận và logic trực giác liên quan chặt chẽ đến năng lực sáng tạo, đến đời sống tinh thần, tín ngưỡng, tôn giáo, tâm linh của người ta có nguồn gốc từ hoạt động tư duy ý thức và vô thức của hệ thần kinh.

A. Nguồn gốc của tư duy ý thức.

Nghiên cứu quá trình tiến hóa sinh vật đơn giản ban đầu sống dưới biển đến loài lưỡng cư tới loài bò sát, loài chim, loài có vú và sau cùng là loài người tiền sử. Loài sau phát triển phức tạp hơn loài trước về mọi mặt từ ngoại hình đến cấu tạo cơ thể, các hoạt động, về các mối quan hệ của sinh vật cùng loài và với môi trường sống... Nhiều loài khác nhau hoàn toàn về cấu tạo ngoại hình để đáp ứng và

thích nghi với môi trường sống, tỷ như: loài thủy tức sống dưới biển với loài chim bay trên không. Ngược lại về cấu tạo thần kinh thì sự khác biệt không hoàn toàn mà chỉ phức tạp hơn lên, từ cấu tạo lưới đến dây sống rồi xuất hiện các nụ ở đầu dây sống thần kinh, các nụ não ở loài bò sát trở thành não bộ ở loài động vật có vú, và não bộ càng phát triển hơn, hoàn chỉnh ở loài người tiền sử.

Não bộ con người, đặc biệt vỏ đại não là nguồn gốc tư duy ý thức. Vỏ não có khoảng một trăm tỷ Nơron, các Nơron kề sát nhau nhưng không dính với nhau mà cách nhau bởi một lớp cách điện. Nơron nọ liên kết nơron kia nhờ những khớp nối, là những đuôi (đuôi trục hay đuôi gai) thần kinh của nơron này tiếp giáp với các đuôi hay thân của nơron khác bởi khớp thần kinh. Mỗi nơron có thể có đến 50 khớp nối tiếp với các nơron khác. Như vậy, với một trăm tỷ nơron sẽ tạo ra một mạng vô cùng lớn, các vòng mạch thần kinh trên vỏ não đó là các cung phản xạ não bộ. Như vậy trên vỏ não có hàng ngàn ngàn tỷ các cung phản xạ não bộ cho hoạt động tư duy của não.

Chúng ta cũng đã biết ở tủy sống, có các mạch thần kinh là các cung phản xạ tủy, mỗi cung có ít nhất ba nơron với hai nơron có chức năng là nơron vận động và nơron cảm giác, hai nơron này được nối với một nơron liên hợp ở tủy, không có chức năng vận động và cảm giác. Thực ra cung phản xạ tủy tuy không đơn giản như vậy vì mỗi cung phản xạ lại nối với các nơron đoạn tủy trên và dưới bằng các nơron liên hợp.

Các cung phản xạ não bộ, não tủy hay cung phản xạ tủy hoạt động theo hai cơ chế: Một là cơ chế điện: đó là sự phân cực khử cực liên tục màng nơron do dòng chảy Na^+ và K^+ , hai là cơ chế hóa học, ở cung phản xạ tủy các phân tử Acetin – Choline được giải phóng ở khớp thần kinh cơ. Hiện nay, người ta cho rằng có hàng trăm loại phân tử hóa học tham gia vào các hoạt động của hàng ngàn ngàn tỷ các cung phản xạ não bộ mà hiện nay khoa học mới chỉ biết được khoảng 50 phân tử hóa học, ví dụ: Serotonin được giải phóng trong một số cung phản xạ não bộ có tác dụng ngăn chặn các hành vi bạo lực, chống stress... Chất P của các cung phản xạ có tác dụng chống đau, cũng như chất Endorphine, chất Dopamin...

Não bộ được chia làm nhiều vùng (52 vùng theo Brodmann) có năm vùng chức năng cho năm giác quan như: thị giác, vận động, xúc giác, tính giác, khứu giác, vùng phát âm, vùng cá ngựa lưu trữ trí nhớ...

Các vùng chức năng này chỉ chiếm phần nhỏ của vỏ não còn lại là các vùng gồm các nơron liên hợp. Người ta thấy ở loài động vật cấp thấp các vùng vỏ não giữ các chức năng chiếm 70% đến 75% toàn thể nơron của não, ở động vật cao cấp như con người thì ngược lại, có nghĩa là nơron chức năng chỉ chiếm 30% toàn thể nơron của não. Ví dụ: ở loài thỏ vùng diện tích liên lạc (không có chức năng) chiếm 20%, ở loài người chiếm 70%. Chính nhờ khối lượng lớn các nơron liên hiệp này đã liên kết tạo nên

hàng tỷ các cung phản xạ giữa các vùng chức năng với nhau, là cơ sở của nhận cảm và ý thức con người, đó là điểm khác cơ bản giữa con người và loài động vật cấp thấp, mặc dù loài động vật cấp thấp này cũng có đủ các vùng giác quan như con người.

Khoa học cũng đã xác định hàng ngày có đến 5.000 nơron của vỏ não chết đi và được thay thế bằng các nơron mới khác. Một đặc điểm khác là số lượng nơron không phát triển nhưng đuôi gai của các nơron lại phát triển do yêu cầu tương tác của con người với môi trường sống. Ở não người, vùng dưới vỏ với vùng cá ngựa là nơi lưu trữ các thông tin đến từ các giác quan và ta có thể gọi đó là vùng cá ngựa của chức năng bộ nhớ của não.

Tóm lại, quá trình tiến hóa sinh vật từ động vật nguyên thủy đơn giản ở đại dương đến con người hôm nay, hệ thống mô thần kinh thay đổi với quy luật là tổ chức thần kinh loài sau phức tạp hơn lên, từ tổ chức thần kinh lưới đến dây sống, các nụ thần kinh là thân não cổ (hành não, cầu não, não giữa và tiểu não) đến đại não như ngày nay. Sự thay đổi đó chính là để sinh vật tồn tại phát triển để thích nghi với môi trường sống. Những biến đổi tại vỏ não trên cơ sở là tăng tiến các cung phản xạ não bộ, các cung phản xạ mới tăng lên trong quá trình sống của các loài sinh vật được di truyền từ hàng triệu triệu năm nay. Chính sự tăng tiến các cung phản xạ não bộ sẽ ngày càng phức tạp và làm giàu tư duy ý thức nhân loại.

B. Quá trình phát triển tư duy ý thức với sự phát triển của vỏ não.

Dựa trên các cuộc khai quật như hóa thạch ở các hang động, các nhà khoa học đã đưa ra dẫn chứng: Hàng triệu năm trước đây đã xuất hiện người tiền sử mà vỏ não khác hẳn loài động vật có vú, vỏ não dày hơn nhiều với hàng ngàn ngàn hàng vạn cột neuron điện tích, mỗi cột chừng 1 m^2 , não nặng dưới 500gr.

Ba triệu năm sau mới xuất hiện loài người (người khéo tay Hô-mô Habilis) đã biết chế tạo và sửa chữa công cụ, não đã nặng hơn người tiền bối khoảng 200gr.

Một triệu năm sau với người Homo Erectus (người đứng thẳng) não tăng gấp đôi, đã phát hiện được lửa và biết săn bắn.

Một trăm nghìn năm trước đây xuất hiện người Homo Sapien, não nặng tới hơn 1.300gr, to gấp bốn lần và nặng gấp 3 lần não người tiền sử và gần giống như não chúng ta hiện nay.

Sáu mươi ngàn năm trước đây người Néan Dettal đã biết chôn cất thân nhân chết với những vòng hoa, biểu hiện lòng thương xót người quá cố và cũng là dấu hiệu khởi đầu của một tư duy về tín ngưỡng tôn giáo.

Như vậy, hàng triệu năm trôi đi với bao nhiêu biến động mà môi trường tác động lên con người tiền sử, để tồn

cường các cung phản xạ mới, thích ứng với biến đổi đó. Những cung phản xạ mới đáp ứng được với môi trường mới sẽ tồn tại di truyền lại cho thế hệ sau, còn những cung phản xạ không đáp ứng được nữa sẽ triệt tiêu mất. Chính những biến đổi ở não bộ người tiền sử để thích nghi với môi trường đã tác động tới não bộ làm cho bộ não ngày càng lớn lên về thể tích, phức tạp hơn về cấu trúc và chức năng hoạt động, đó là chức năng tư duy của não.

C. Giả thiết về cơ chế tư duy ý thức của não

Cho đến nay chưa có một luận thuyết nào giải thích được cơ chế tư duy của vỏ não được chấp nhận đầy đủ. Chúng tôi không có ý định bàn về cơ chế hoạt động tư duy của vỏ não mà thừa nhận vỏ não là nguồn gốc của tư duy. Song có một điều chắc chắn rằng nếu vỏ não bị tổn thương thì sẽ mất khả năng hoạt động tư duy: Chấn động não, tiêm thuốc gây ức chế của vỏ não như các thuốc ngủ Barbiturat, bệnh lý về não như bệnh tâm thần... Qua đó cho thấy vỏ não chỉ có thể có tư duy bình thường khi vỏ não không có tổn thương được cấu tạo bình thường ngay từ khi mới được sinh ra.

Chúng ta còn gặp những trường hợp thiếu hụt một phần tư duy ý thức, nếu một trong năm vùng chức năng như thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác bị tổn thương ngay khi ra đời thì chắc chắn họ sẽ không còn cảm nhận ý thức về chức năng đó

Như trên đã trình bày các vùng chức năng chỉ chiếm một phần nhỏ toàn bộ vỏ não, còn lại phần lớn là vùng liên hợp. Vùng liên hợp chấp nối các vùng chức năng với nhau xử lý các thông tin dẫn tới các vùng chức năng để cho ta một cảm nhận, một ý thức về sự vật. Lấy một ví dụ: Một nghệ nhân nặn tượng, anh ta phải liên kết trên vùng vận động điều khiển đôi tay. Nếu như liên kết với các vùng chức năng lại với nhau, trước tiên là vùng thị giác với vùng cảm giác, khi tạo nên các đường nét trên pho tượng cảm giác được liên kết này được hoàn thiện, sự liên kết nhờ các cung phản xạ não bộ, nếu như tần số rung (phân cực-khử cực) trên các cung phản xạ đó phù hợp hài hòa thì kết quả sẽ tạo ra được bức tượng giống như thật, không những đẹp mà còn có thần. Có những nghệ nhân còn nghe được cả âm thanh khi họ miết tạo nét trên pho tượng, nhất là những nghệ nhân tạo tượng gỗ.

Chúng ta cũng mới chỉ biết một số các phân tử hóa học được tạo ra khi các cung phản xạ gây nên các trạng thái tinh thần của con người. Vậy có thể trong quá trình chấp nối các vùng chức năng khi tạc tượng, các cung phản xạ cũng đã tiết ra các phân tử hóa học tạo cho nghệ sĩ một cảm nhận sáng khoái, nguồn cảm hứng tạo ra những rung động để có được các tác phẩm tuyệt mỹ.

D. Thử tìm hiểu cơ chế trực giác.

Chúng ta đã biết logic suy luận là sản phẩm suy luận của vỏ não, bệnh lý về vỏ não hay sự thiếu hụt về cấu

tạo một vùng nào đó của vỏ não, sẽ hoặc mất khả năng tư duy ý thức hoặc hạn chế hay sai lạc tư duy ý thức. Tư duy logic trực giác có phải là sản phẩm của vỏ não hay không?

Chắc chắn là đối với những người có tổn thương về vỏ não sẽ không thể có được logic trực giác, những biểu hiện của người tâm thần, hay người mắc bệnh ảo giác, đó chỉ là biểu hiện phi lý không tương không nói lên được điều gì có ý nghĩa.

Ta có thể nói tư duy logic trực giác chỉ được biểu hiện nhờ công cụ của logic suy luận đó là vỏ não được thể hiện thông qua các vùng nói Broca hoặc vùng vận động, cảm giác để viết ra ngôn ngữ văn tự.

Hệ thần kinh có hai hệ thống: Một là hệ thần kinh động vật giữ chức năng vận động ý thức và tư duy ý thức, các xung thần kinh của hệ thần kinh này đi theo một chiều, các xung thần kinh đi từ đuôi gai qua thân nơron đến trục thần kinh để nối một nơron khác qua khớp thần kinh. Hệ thần kinh thứ hai là hệ thực vật gồm các nơron thần kinh tập hợp lại như mạng lưới được gọi là chất lưới như chất lưới trong thân não "hoạt hóa vỏ não" điều hòa nhịp thức ngủ, điều hòa các hoạt động tuần hoàn hô hấp, tiêu hóa...điều hòa các hoạt động của thân não và tủy sống... (chất lưới là cơ quan điều chỉnh tự động của thân não và tủy sống).

Như trên chúng ta đã thấy logic tư duy là sản phẩm của vỏ não, logic trực giác không phải là sản phẩm của vỏ não, nhưng logic trực giác phải thông qua vỏ não để biểu hiện.

Quá trình tiến hóa sinh vật cũng xác định vỏ não bắt đầu hình thành với khởi phát ở loại có vú dần dần hoàn thiện từ người tiền sử đến chúng ta ngày nay trải qua hàng triệu năm. Vỏ não lấn dần vùng dưới vỏ thân não, về cấu tạo nó bao trùm lên thân não, về chức năng nó cũng làm mất đi các hoạt động chức năng của thân não.

Loại động vật cấp thấp dù là còn nguyên sơ vẫn phải tồn tại, vì thế chúng phải có mối quan hệ giữa loài của chúng với các loài khác và với môi trường. Vì thế dù loài động vật cấp thấp không có vỏ não (tư duy) nhưng chúng vẫn giao tiếp với nhau, có loài giao tiếp bằng sóng siêu âm, có loài giao tiếp bằng sóng điện. Tóm lại động vật cấp thấp dưới loài người chúng có mối quan hệ bằng nhiều phương thức và không cần đến vỏ não phân tích, không cần tư duy logic.

Nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của phôi người về mặt khoa học, người ta cũng đã thấy phôi người phát triển qua các giai đoạn của loài động vật dưới nó, ở một số người trong quá trình chuyên hóa phôi đã để lại vết tích của loài động vật cấp thấp. Ví dụ có một số người còn lại di tích của loài động vật có vú như phụ nữ, ngoài hai vú chính, còn có hai đến bốn vú phụ, có người

còn lại di tích của loài có đuôi như các đốt sống cụt, không cụt mà lại dài ra như đuôi động vật. Có người còn lại u cạnh cổ kiểu mang là di tích của mang cá...

Những di tích còn lại trong quá trình phát triển thai người kể trên thuộc những vết tích thực thể thấy được. Chúng ta cũng đã biết những động vật cấp thấp còn có những hoạt động tương tác như sóng siêu âm, sóng điện...có nguồn gốc từ hệ thần kinh có lẽ từ tổ chức thần kinh lưới.

Có một số rất hiếm người trong quá trình phát triển bào thai, đã còn để lại vài di tích của các loài động vật cấp thấp (các vết tích thực thể) biết đâu lại không thể còn để lại di tích thần kinh có các chức năng tương tự như loài động vật cấp thấp. Biểu hiện của các hoạt động chức năng này không thuộc hệ logic suy luận (thuộc vỏ não) mà thuộc hệ logic trực giác, ta thường gọi là giác quan thứ sáu ngoài năm giác quan của con người.

E. Tư duy logic trực giác và tiềm thức

Ta đã đề cập đến hiện tượng "xuất thần" của tư duy logic suy luận. Ví dụ: Có sự việc gì phải suy nghĩ, giải đáp không ra, ta đành bỏ qua để làm việc khác hay nghĩ suy việc khác. Trong một khoảnh khắc yên tĩnh tự nhiên vấn đề được giải đáp như hiện tượng Newton, Archimede kể trên. Có những học sinh gặp bài toán khó cả buổi không giải ra đáp số, một bài toán hình chẳng hạn, đêm ngủ,

bồng dung mơ thấy lời giải, thức dậy, lên bảng vẽ hình, thì đúng là đáp số cần tìm. Người ta cho rằng khi vỏ não làm việc giải đáp một vấn đề chưa xong, ta không nghĩ nữa nhưng thực chất vỏ não vẫn làm việc theo hướng đó, đó là sự hoạt động của tiềm thức, khi tiềm thức làm việc và giải đáp được thì phản ánh lại cho vỏ não, đáp số của quá trình làm việc của tiềm thức được tiếp nối quá trình làm việc dở dang của tư duy đã hoàn thiện và vấn đề được giải đáp.

Vậy quá trình tư duy logic suy luận gồm hai quá trình, một là quá trình tư duy của vỏ não và một quá trình tư duy của tiềm thức có thể tạm gọi là trực giác của tư duy logic suy luận.

F. Hiện tượng xuất thần của trực giác.

Nếu như trực giác của logic suy luận có cơ sở là hoạt động của tiềm thức thì logic “trực giác xuất thần” hoàn toàn khác hẳn. Lấy một ví dụ về việc tìm mộ, cho đến nay việc tìm hài cốt ở nước ta không phải là một điều hoang tưởng, nó là một hiện tượng có thực. Người tìm mộ chỉ nghĩ tới hướng tới theo yêu cầu của thân nhân có hài cốt thì các dữ kiện về hài cốt (vị trí, đặc điểm, các mối liên quan... của hài cốt) tự nhiên xuất hiện trên vỏ não. Vì vậy dù là “trực giác xuất thần” thì cũng phải có một tổ chức là công cụ để thể hiện, đó là vỏ não. Nếu như vỏ não của người tâm thần, vỏ não của người khuyết tật, đần độn, bệnh lý...chắc chắn không thể có nổi “trực giác xuất thần”.

Cơ sở sinh học của logic trực giác xuất thần là gì?

Nghiên cứu quá trình tiến hóa sinh vật đã cho ta thấy một số người nào đó có thể tồn tại một vết tích hoạt động chức năng dưới vỏ “tổ chức lưới” theo kiểu động vật cấp thấp, như vậy hiện tượng “xuất thần trực giác” là rất đặc biệt, chỉ có ở một số người hữu hạn nào đó. Di tích hoạt động chức năng dưới vỏ (của động vật cấp thấp) là nguồn gốc của “trực giác xuất thần” là nguyên nhân chính, còn điều kiện khởi xướng (cause delenchante) có nhiều, là những tác nhân tác động đến hệ thần kinh như cái chết lâm sàng (vỏ não và vùng dưới của ức chế cực đại) những sang chấn như điện giật, ốm đau nặng... Những tác nhân đó đã hoạt hóa vùng dưới vỏ, tương tác mạnh với vỏ não đã biểu hiện ra ngoài các khả năng tiềm ẩn này. Những điều kiện khởi xướng nằm ở hai cực: hoặc là hưng phấn cực đại hoạt động hệ thần kinh (điện giật) hoặc ức chế cực đại (chết lâm sàng) sau đó hệ thần kinh cân bằng lại, đường liên lạc giữa hệ thần kinh vận động và hệ thần kinh thực vật cũng được hoạt hóa lên. Ngoài nguyên nhân khách quan làm hoạt hóa đường liên lạc giữa hai hệ thần kinh còn có nguyên nhân do con người chủ động tạo ra đó là những người luyện tập Yoga, thiền, tiềm năng dưỡng sinh, ở đỉnh cao của nó, họ đã ức chế sâu, cân bằng giữa hệ thần kinh động vật và hệ thần kinh thực vật và hoạt hóa đường liên lạc giữa hai hệ thần kinh này, nói cách khác là sự tương tác giữa hai hệ thần kinh này được hoạt hóa.

Tóm lại biểu hiện của “trực giác xuất thân” có thể có cơ sở sinh học song nó phụ thuộc khá nhiều yếu tố, yếu tố hệ thần kinh hiện đại, yếu tố di tích hoạt động chức phận hệ thần kinh loài động vật cấp thấp, các nguyên nhân khởi xướng, yếu tố sức khỏe toàn thân ở những thời khắc khác nhau lại chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố môi trường luôn biến động, tác động đến sức khỏe con người.

Vì vậy, độ tin cậy, độ chính xác, độ bền vững, tính ổn định của những biểu hiện của logic “trực giác xuất thân” khó xác định được.

G. Logic suy luận và trực giác xuất thân

Người tiền sử sống trong hang động chưa thể có được logic suy luận hay logic trực giác, càng khó nói là họ mê tín dị đoan mặc dầu tất cả các dã thú hung bạo, các tác nhân có thể gây tai hại cho họ như sấm sét, bão lụt, gió bão... họ đều cho là thần linh. Họ cầu xin được che chở đừng xuất hiện làm hại họ. Nó còn tồn tại đến nay ở một số dân tộc ít người, bộ lạc... trên thế giới hay lẻ tẻ ở một số tôn giáo thờ thần súc vật.

Trải nghiệm thời gian người tiền sử không những chống được thú dữ mà còn tìm được phương thức tiêu diệt chúng để làm thực phẩm, cao hơn nữa là tìm được phương pháp thuần hóa chúng. Quá trình này là một phần của sự hình thành tư duy suy luận trong muôn vàn tư duy cho những biện pháp đấu tranh với muôn vàn hiện tượng của môi trường sống.

Chúng ta cũng đã biết logic “trực giác xuất thân” chỉ được thể hiện ở vỏ não bình thường trong một hoàn cảnh tạo các đường liên lạc cho mối quan hệ dưới vỏ não mới tạo ra được nó, vì thế có lẽ “trực giác xuất thân” chỉ có thể xuất hiện ở một giai đoạn tư duy nào đó.

Nền văn minh cổ Ấn Độ với Ấn Độ giáo sau đó ở thời kỳ cuối năm Ấn Độ cổ đại vào khoảng giữa thiên niên kỷ I đến thế kỷ III sau Công Nguyên, đạo Phật ra đời trong một thời kỳ lạ lùng, có nhiều thiên tài đạo học và triết lý ra đời: Khổng Tử và Lão Tử ở Trung Quốc, Zarathustra tại Ba Tư, Pythagoras và Heraklitus tại Hy Lạp. Đó là những nhà tư tưởng, triết gia đạo giáo với những biểu hiện ở đỉnh cao logic trực giác được ghi nhận bằng văn tự còn lưu lại đến ngày nay, trong dân gian chắc còn biểu hiện hình thức của logic trực giác mà đến nay ta không còn tư liệu đầy đủ.

H. Vấn đề khả năng tiềm ẩn của con người và xã hội.

Khả năng tiềm ẩn của con người là rất lớn, ta cần tìm biện pháp khai thác triệt để những khả năng của nó để phục vụ nhân sinh. Khả năng tiềm ẩn có cơ sở sinh học của nó đó là khả năng đặc biệt của cơ chất thể lực của tư duy vỏ não với những logic suy luận, những trực giác của tiềm thức. Đó là những biểu hiện có tính định lượng, cân đo, đong đếm được không phải bàn cãi.

Đối với những biểu hiện của logic “trực giác xuất thân” trong xã hội, trong nhân dân lại rất lớn, mà cơ sở khoa học của nó chưa khẳng định, tác dụng của những

biểu hiện này, liên quan đến nhiều vấn đề xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị...bởi vậy ta cần nghiên cứu nhiều hơn nữa, cố gắng lượng hóa nó để sử dụng những mặt tích cực của khả năng này. Mặt khác phải nghiên cứu giải thích cho dân chúng biết những biểu hiện chưa nghiên cứu lượng hóa được, mặt trái của vấn đề với những tác hại của nó.

BƯỚC VÀO THẾ GIỚI VÔ HÌNH

GS, TS. Đoàn Xuân Mưu

Nền y học Tây phương trong những thập kỷ qua đã có những bước tiến lớn nhờ các thiết bị kỹ thuật y tế phát triển trên nền tảng một nền công nghiệp tiên tiến, một công nghệ cao, đưa khả năng chẩn đoán và điều trị lên một tầng cao mới: kỹ thuật lazer, cộng hưởng từ, chụp và can thiệp động mạch vành tim, mổ nội soi, thay phủ tạng,... Các khả năng tương tự chắc chắn sẽ còn phát triển xa trong một tương lai gần.

Trong khi đó ngày càng nhiều lỗ hổng trong y lý, không giải thích được những khả năng đặc biệt của con người trong chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, rèn luyện sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần. Cũng chưa giải thích được một cách thuyết phục mối liên hệ giữa năng lượng vũ trụ và con người mà con người là một tiểu vũ trụ như năng lượng sinh học, luân xa, hệ kinh lạc, linh cảm, hào quang, thần giao cách cảm...

Thầy thuốc nhiều khi không xác định được nguyên nhân sâu xa của một loạt các bệnh mạn tính, các bệnh tâm - thể, các hội chứng tâm thần là những bệnh lý đặc trưng cho thời hậu công nghiệp. Sự khủng hoảng ấy có thể giải thích được nếu nhìn vào chương trình đào tạo đội ngũ bác sĩ trẻ trong các trường đại học. Vẫn là các môn học cổ điển ấy như: giải phẫu cơ thể con người, sinh lý học, sinh lý

bệnh học, hóa sinh, lý sinh, tế bào học, mô học, ngoại khoa, nội khoa và các chuyên khoa hẹp khác như mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, phụ khoa, sản khoa... Tóm lại, tất cả nội dung ấy đều xây dựng trên nền tảng những gì nắm bắt được trên cơ thể vật lý của con người. Cho nên các bác sĩ chỉ có khả năng tác động đến cơ thể vật lý của con người, không hơn thế. Trong khi đó ngày càng phát sinh những yếu tố liên quan đến bệnh sinh nằm ngoài cơ thể vật lý, nằm ngoài tầm với của những kiến thức do nhà trường cung cấp. Người ta gọi đó là cuộc khủng hoảng của nền y học chính thống trong thời đại hội nhập y học Tây phương và Đông phương, hóa dược và dược liệu, minh triết và duy lý.

Đó là chưa kể một loạt các hiện tượng thuộc cận tâm lý học có liên quan đến tiềm năng con người chưa được am hiểu và khai thác để phục vụ chẩn đoán và điều trị tại các cơ sở y tế giúp mọi người tự chẩn đoán, tự điều trị, tự rèn luyện sức khỏe theo hướng toàn dân chăm lo sức khỏe. Ngày nay một nền y học chỉ có thể được gọi là tiên tiến, nếu đối tượng phục vụ của nó không chỉ là bệnh nhân mà còn là người lành, thậm chí phục vụ người lành là nhiệm vụ không kém phần quan trọng theo phương châm: "Phòng chấy hơn chữa chấy".

Muốn được như vậy phải tìm hiểu những tiềm năng của con người tạo hóa đã ban cho mà chưa được am hiểu và

Thứ nhất - đó là các hiện tượng về thông tin không đi qua 5 giác quan vật lý như:

Thần giao cách cảm (telepathy, telepsychics), thần thị (clairvoyance) tiên tri (precognition), tâm lý trắc nghiệm nghĩa là qua một vật biết được người chủ của nó (psychometry), cảm xạ học hay sinh học định vị (radiesthesis hay biolocation).

Thứ hai đó là các hiện tượng năng lượng như: Viễn tâm động lực học (chủ thể dùng năng lượng tâm thần để làm di chuyển, biến dạng một vật thể - psychophysical therapy); khinh thân (tự bay bổng - levitation); tiềm sinh (chôn người dưới đất một thời gian vẫn sống - lethargy)...

Các hiện tượng này nằm ngoài tầm với của 5 giác quan thông thường của con người và rơi vào khoảng giao nhau giữa thế giới chủ quan và thế giới khách quan của con người. Chúng không bị giới hạn trong những đường ranh không gian và thời gian, không có sự phân cách đứt khoát giữa cõi tinh thần và cõi vật chất, không có sự phân ly giữa tinh thần và thể xác.

Như vậy, dù muốn hay không phải thừa nhận một sự thật là tri thức về vũ trụ và con người của chúng ta còn hạn hẹp, tiềm năng con người chưa được đánh giá và khai thác hết.

Theo vật lý hiện đại, thế giới vật chất hạ nguyên tử không gồm các hạt cơ bản nằm rời rạc, độc lập với nhau, mà như một tấm lưới phức tạp chứa toàn những mối liên hệ của những phần tử trong cái toàn thể không gian rộng. Các nút liên hệ ấy là nơi tập trung khối lượng “m” không gì khác hơn là một dạng của năng lượng được xác lập bằng đẳng thức nổi tiếng $E=mc^2$. “m” không giống như một đồ vật mà là một hiện tượng siêu hình, mà vật lý hiện đại đã nắm bắt được gần đây.

Nhà vật lý hiện Lapp đã viết: “Vật chất không có ở dạng tuyệt đối, mà là một hiện tượng trong không gian như hồn ma bóng quế, thoáng hiện rồi tan, chẳng khác nào những ảo tượng toán học”.

Trong điều kiện bình thường trên trái đất chỉ tồn tại vật chất thông thường nhìn thấy được (“Vật chất hiển thể”). Những vật chất không nhìn thấy được chỉ tồn tại trong những điều kiện đặc biệt của tự nhiên (“Vật chất ẩn thể”).

Theo vật lý lượng tử, vật chất ẩn thể gồm các phần tử không có trong không có ngoài, không gian đa chiều, theo quy luật thời gian trong đó quá khứ, hiện tại, tương lai diễn ra cùng một thời điểm, chuyển động với tốc độ lớn hơn tốc độ ánh sáng. Những thông tin truyền trên những đơn vị vật chất ấy sẽ đến người nhận tức thì. Như vậy hiện tượng vô hình của vật chất có thể giải thích nhờ tiên bộ của vật lý lượng tử. Điều đó còn có nghĩa là những gì chưa nhìn thấy được bằng mắt thường không có nghĩa là phi vật

chất. Ngày nay người ta đã dẫm chân lên biên giới cuối cùng ngăn cách hiện thực vật lý với cái gọi là “huyền bí” – thì ra cả hai thế giới hữu hình và vô hình đều là vật chất ở những dạng khác nhau. Vật lý hiện đại giải thích rằng những cấu trúc hạ nguyên tử là cơ sở vật chất của khung năng lượng của thân thể người ta và có lẽ các khả năng đặc biệt của con người từ đó mà sinh ra.

Thật vậy, cho đến nay các hiện tượng cận tâm lý kể trên không thể giải thích được bằng các nguyên lý khoa học chính thống vốn dựa trên nền vật lý cổ điển của Newton như: vật chất gồm các nguyên tử không thể phân chia; không gian 3 chiều; tốc độ ánh sáng là tốc độ lớn nhất, quan hệ nhân quả tuyệt đối; các trường vật lý giảm theo tỷ lệ ngược với bình phương khoảng cách trong trường điện từ và trường hấp dẫn... Trong khi đó có thể giải thích chung dưới ánh sáng của vật lý lượng tử.

TRƯỜNG NĂNG LƯỢNG SINH HỌC

GS.TS Đoàn Xuân Mừu

Cách đây 5.000 năm các nhà hiền triết cổ Ấn Độ đã coi nguồn gốc của mọi sự sống trong trời đất là “Prana” – năng lượng vũ trụ. Các nhà hiền triết cổ Trung Hoa thì quan niệm năng lượng cần cho sự sống trong vũ trụ là “Tiên Thiên Khí” chứa hai lực âm và dương. Trường phái Kabbalah của Do Thái năm 538 TCN coi năng lượng sống

trong vũ trụ là “Ánh sáng tinh tú” là “Hào quang” quanh đầu chúa Jesus và các bậc thánh thần được mô tả trong kinh Cựu Ước. Ở Châu Âu cận đại các nhà khoa học dành vai trò này cho “Orgone”, cho “Illliaster”... Tuy cách diễn đạt có khác nhau, nhưng tất cả các nhà thông thái cổ kim đều hiểu rằng thân thể người ta phải được hoạt hóa, khởi động, nuôi dưỡng bằng năng lượng. Nó cũng tựa như một cỗ máy làm bằng sắt thép phải được nạp điện, tiếp tế nhiên liệu vào động cơ, thì cỗ máy mới có thể tự vận hành.

Con người là vật tiến hóa cao nhất trên trái đất. Mô hình cấu tạo đơn giản của thân thể bằng xương bằng thịt như trong sách giáo khoa của các trường Tây y đã tỏ ra không đủ giải thích mọi hoạt động đa dạng, mọi tiềm năng đặc biệt của con người, nhất là đời sống tâm linh. Vì thế đã từ lâu các nhà hiền triết Đông Tây (Trung Hoa, Ấn Độ, Hy Lạp) bằng con đường minh triết và mới đây nhiều nhà khoa học cận tâm lý bằng con đường duy lý đã đi đến mô hình thân thể người ta gồm bảy cơ thể, trong đó có một cơ thể vật lý bằng xương bằng thịt và sáu cơ thể bằng vật chất mịn hơn gọi là cơ thể tế vi. Nguồn năng lượng nào đưa tất cả các cơ thể vào hoạt động?

Như chúng ta đã biết, cơ thể vật lý được nuôi dưỡng bằng năng lượng vật lý nhận được từ thức ăn nước uống nhờ bộ máy tiêu hóa và cơ chế trao đổi chất phức tạp bên trong cơ thể. Nguồn năng lượng này là đối tượng nghiên cứu của khoa học dinh dưỡng.

Các cơ thể tế vi cần đến nguồn năng lượng khác. Đó là năng lượng vũ trụ đi vào cơ thể người ta qua các luân xa, các huyết mạch, các lỗ tự nhiên như tai, mắt, mũi, mồm... rồi biến thành năng lượng sinh học. Cơ chế phát huy tác dụng của năng lượng sinh học được phân tích bằng khái niệm “Trường”. Vì sao? Đó là nội dung chính của bài này.

Năng lượng sinh học có nguồn gốc “Tiên Thiên Khí” gọi là năng lượng tâm thần để phân biệt với năng lượng vật lý (“Hậu Thiên Khí”)

Khái niệm “Trường” ra đời sau phát minh điện năm 1800; Trong khi nghiên cứu về các lực tác dụng của điện tích, trường phái cơ học cổ điển Newton coi tương tác giữa các hạt mang điện dương (proton) và điện âm (electron) như là lực hấp dẫn giữa hai khối lượng vật chất. Nhưng M. Faraday và J. Maxwell quan niệm khác: mỗi điện tích tạo nên một nhiễu loạn trong không gian bao quanh và điện tích chịu một tác động khi có mặt ở đó và giải thích mối tương tác ấy bằng khái niệm – “Trường” (Field). Thế là từ đầu thế kỷ XIX xuất hiện khái niệm trường vật lý như điện trường, điện – từ trường, trường hấp dẫn.v.v... với định nghĩa: “Trường là trạng thái trong không gian có khả năng tạo ra một lực” Thế là ra đời khái niệm về một vũ trụ chứa đầy “trường” tạo ra các lực tương tác.

Trường sinh học không phải là trường vật lý. Trong trường vật lý điện tích cùng dấu đẩy nhau, điện tích khác



TÂM BÌNH THẾ GIỚI BÌNH

Chia sẻ tài liệu tâm linh

Main Menu

RSS:

- [RSS - Posts](#)

TÌM KIẾM TRONG BLOG:

CHUYÊN MỤC

- [Chia sẻ](#)
- [Chuyện lạ](#)
- [Long mạch](#)
- [Ngoại cảm](#)
- [Power Point](#)
- [Sách nói](#)
- [Tâm Linh](#)
- [Tự giới thiệu](#)
- [Thủ thuật PC](#)

BÀI VIẾT MỚI

- [ĐI XEM ÁP VONG GỌI HỒN](#)
- [Tụng Chú đại bi có hình ảnh và phụ đề](#)
- [Bé Như Ý 9 tuổi thuyết pháp hay như Pháp Sư](#)
- [Nhân xét của thầy](#)

Huyền môn lược ký 1 (Sách nói mp3)

20/02/2012

☆☆☆☆☆ [Rate This](#)

Đây là sách nói Huyền môn lược ký 1 do chính tác giả NNC Nguyễn Thị Thanh Lan đọc. Bản quyền thuộc về tác giả và mọi hình thức sao chép phải ghi rõ nguồn gốc xuất xứ.

[Huyền môn lược ký 1.giới thiệu mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.1 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.2 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.3 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.4 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.5 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.6 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.7 mp3:](#)

[Huyền môn lược ký 1.8 mp3:](#)

chiase.wordpress.com